

CUỘC BÚT CHIẾN CỦA PHAN VĂN TRỊ VỚI TÔN THỌ TƯỜNG

Huỳnh Công Tín

1 - Nhà thơ yêu nước Phan Văn Trị (1830-1910), sinh ra vào giữa thời kì thảm bại của chế độ phong kiến bị lệ thuộc dưới ách của chế độ thực dân. Là kẻ sĩ, Cử Trị không có điều kiện trực tiếp cầm quân đánh giặc như Thủ khoa Huân, Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Hồ Huân Nghiệp...; nhưng ông cũng không chọn con đường hợp tác với giặc để đổi lấy sự vinh thân cho mình và gia đình như Tôn Thọ Tường, Đỗ Hữu Phương, Trần Bá Lộc...; trái lại ông chọn con đường mà phần lớn sĩ phu chân chính đã chọn lựa lúc bấy giờ là “tị địa” bất hợp tác với giặc, chấp nhận sống cuộc đời thanh bần như bao người nông dân nghèo khổ khác; đồng thời, dùng ngòi bút của mình để khơi dậy, cổ vũ cho tinh thần yêu nước ở những lực lượng nghĩa binh.

Không là ngọn cờ đầu dùng ngòi bút chống giặc như Nguyễn Đình Chiểu, nhưng Phan Văn Trị cũng có một vị trí xứng đáng trong dòng văn học yêu nước chống thực dân Pháp, đặc biệt là ở nửa cuối thế kỉ XIX. Đóng góp tiêu biểu của ông ở tư cách người phát ngôn chủ yếu của phong trào yêu nước là cuộc xướng họa với Tôn Thọ Tường, mà tiếng vang của cuộc xướng họa này được gọi đúng với danh xưng của nó là cuộc “bút chiến”.

Nói cho đúng hơn, đây là cuộc tấn công bằng ngòi bút của Phan Văn Trị để đánh trả những lời hăm dọa, biện minh, ngụy biện chống đỡ của Tôn Thọ Tường cho việc làm phản quốc của mình. Chính vì vậy, cuộc bút chiến này trước đây và

hiện nay luôn được nhiều người lưu tâm. Có thể không ai thuộc hết những bài thơ họa của Phan Văn Trị, nhưng chí ít cũng nhiều người biết và thuộc đôi câu thơ tiêu biểu thể hiện tư tưởng ái quốc và tài hoa lí luận, diễn đạt của Cử nhân Phan Văn Trị.

Bài viết này chúng tôi muốn điểm lại cuộc bút chiến là phần đóng góp lớn trong sự nghiệp thơ văn của ông. Không bàn đến những bài họa khác, dù thời điểm ấy cũng có nhiều người hưởng ứng cuộc xướng họa này. Ngoài 10 bài họa của Lê Quang Chiêu, những bài thơ họa chùm thơ liên hoàn của Tôn Thọ Tường cũng có hai bản họa, tức 20 bài; trong đó có 10 bài là của Phan Văn Trị, còn 10 bài còn nghi vấn về tác giả: là của Phan Văn Trị làm thêm, hay của Hồ Huân Nghiệp, Nguyễn Đình Chiểu, hoặc ai đó. Chúng tôi chỉ bàn đến 10 bài họa được nhiều người thừa nhận là do ông Cử nhân đất Vĩnh Long làm. (Hiện nay, Phan Văn Trị được ghi nhận là người sinh ra ở đất Giồng Trôm - Bến Tre; ông mất và được an táng tại quê vợ là đất Phong Điền - Cần Thơ).

2 - Các tác phẩm bút chiến của Phan Văn Trị với Tôn Thọ Tường có 12 bài, chia thành hai nhóm: những bài thơ họa đơn lẻ, có 2 bài: “*Từ Thứ quy Tào*” và “*Tôn phu nhân quy Thục*”; và những bài thơ họa chùm thơ liên hoàn của Tôn Thọ Tường, có 10 bài. Vì có nhiều bản ghi chép khác nhau, tư liệu của 12 bài thơ họa này được chúng tôi kết hợp chọn lựa từ “*Quốc âm thi hiệp tuyển*”

của Lê Quang Chiêu, “*Thành ngữ điển tích danh nhân từ điển*” của Trịnh Văn Thanh, và “*Phan Văn Trị - Cuộc đời & Tác phẩm*” của Nguyễn Khắc Thuần, Nguyễn Quảng Tuân để làm dẫn liệu phân tích.

Thơ họa của Phan Văn Trị biểu hiện hai dòng ý tưởng chính. Đó là: *Lòng yêu nước, thương dân và tinh thần quyết “không đội trời chung với giặc”; Đã lại những luận điệu phản dân hại nước và vạch ra sự nguy biến trong những bài xướng của Tôn Thọ Tường.* Mặc dù, hai dòng ý tưởng này không tách rời nhau, đều thống nhất trong một dòng chủ là lòng yêu nước của ông; nhưng vì là thơ họa, cho nên phải tùy ý tưởng của bài xướng mà cần có ngay những lí luận như thế nào đó trong bài họa để phản bác lại. Cái thần của bài họa là sự theo sát ý tưởng của bài xướng và có đủ những lí lẽ để bẻ gãy những lập luận của người xướng; đồng thời, phải đảm bảo sự tuân thủ nghiêm ngặt từ ngữ trong khuôn vần của bài xướng mà không thể tùy tiện thay đổi. Điều này, đòi hỏi tài năng thơ và tài hùng biện của người họa phải già dặn hơn người xướng mới có thể theo được các bài xướng. Tách những bài họa ra khỏi những bài xướng chỉ thấy được tinh thần yêu nước của nhà thơ, chớ không thấy được thi tài và khả năng lập luận của Cử Trị. Vì vậy, khi tìm hiểu cuộc bút chiến của Phan Văn Trị với Tôn Thọ Tường, chúng tôi cho rằng, cần phải xét trong tương quan xướng - họa, mới nhận chân được cả hai dòng ý tưởng của ông và tài nghệ của nhà thơ Nam Bộ này.

2.1. Với hai bài xướng (x) “*Từ Thứ quy Tào*” (x-TTQT) và “*Tôn phu nhân quy Thục*” (x-TPNQT), Tôn Thọ Tường nêu ra hai ý tưởng chính:

1. Lí do của “sự hợp tác” với giặc Pháp mà theo Tôn Thọ Tường là sự chẳng đặng đừng theo kiểu “ngộ biến tùng quyền”, hay tình thế bắt buộc

của kẻ theo chồng không thể khác. Tôn Thọ Tường viết:

“*Giúp Hón còn nhiều rường cột cả,
Về Tào chi sá một cây còi.*” (x-TTQT)

Hay:

“*Ai về nhắn với Châu Công Cẩn,
Thà mất lòng anh, đừng bụng chồng.*” (x-TPNQT)

2. Dù “hợp tác” với giặc, nhưng lòng vẫn “yêu quê hương, đất nước”. Tôn Thọ Tường viết:

“*Bâng khuâng nhớ mẹ khôn nâng chén,
Bát ngát thương vua biếng giữ roi.*” (x-TTQT)

Hay:

“*Lìa Ngô bịn rịn chòm mây bạc
Về Hán đành trao mảnh má hồng.*” (x-TPNQT)

Với hai bài họa (H) “*Từ Thứ quy Tào*” (H-TTQT) và “*Tôn phu nhân quy Thục*” (H-TPNQT), Phan Văn Trị chỉ ra thực tế giữa hai trường hợp “*Từ Thứ về Tào*” và “*Tôn phu nhân về Thục*” hoàn toàn khác với trường hợp theo giặc của Tôn Thọ Tường. Để bẻ gãy hai ý tưởng của họ Tôn, Cử Trị cho rằng: Việc theo giặc của Tôn Thọ Tường là sự tự nguyện, chớ không hề là sự chẳng đặng đừng. Phan Văn Trị đã dùng chữ “*Xấn vẫn ruỗi Ngụy*”, “*Dáo dác xa Lưu*” để vạch cho Tôn Thọ Tường thấy hành động tự nguyện, bất chính của họ Tôn:

“*Xấn vẫn ruỗi ngụy mây ùn đám,
Dáo dác xa Lưu gió thổi còi.*” (H-TTQT)

Còn nói như Tôn Thọ Tường, ví việc hợp tác với giặc Pháp của mình là dạng gái theo chồng, thì càng “bậy” hơn. Vì một lẽ đơn giản, Tôn Thọ Tường không phải là gái. Đã là trai và là “traí ngay” thì phải biết đáp đền “*ơn vua lộc nước*”, phải biết đâu là quê hương, xã tắc. Phan Văn Trị viết:

“*Anh hỡi! Tôn Quyền anh có biết,
Traí ngay thờ chúa, gái thờ chồng.*” (H-TPNQT)

Trong bài (H-TPNQ) trước khi đi đến kết luận về phận làm trai, Phan Văn Trị cũng đã nhắc nhở cho Tôn Thọ Tường biết rõ bổn phận phải trọng đạo nghĩa của một kẻ sĩ là như thế nào:

*“Hai vai tơ tóc bên trời đất,
Một gánh cang thường nặng núi sông.”*
(H-TPNQ)

2.2. Với hai bài họa “*Từ Thứ quy Tào*” và “*Tôn phu nhân quy Thục*”, Phan Văn Trị đã vạch trần hành động theo giặc của Tôn Thọ Tường trước công chúng. Ở hiệp đầu này, Tôn Thọ Tường đã bị Phan Văn Trị đưa vào thế bí, thế của kẻ theo giặc; còn trong mười bài xướng họa liên hoàn, Tôn Thọ Tường không ngụy biện về chuyện theo giặc của mình, mà công khai tranh luận với Phan Văn Trị về lẽ: ai là người thức thời, biết thời cuộc; ai là kẻ mạnh, ai là người khôn... Để đáp lại quan điểm của Tôn Thọ Tường trong mười bài liên hoàn, Phan Văn Trị đã bẻ gãy từng lập luận của Tôn Thọ Tường bằng lí luận gãy gọn và ngôn ngữ sắc sảo:

2.2.1. Ở bài xướng liên hoàn 1 (x-LH1) Tôn Thọ Tường nêu ra hai lí lẽ của kẻ thức thời, đó là: sức mạnh của giặc Pháp mà ai là người có hiểu biết thì phải biết quy phục; như vậy, người không quy phục ắt là người thiếu hiểu biết và chỉ có thể là trẻ con. Bởi đó, Tôn Thọ Tường cảm thấy lo cho họ:

*“Chớp nhoáng thẳng bon dây thép kéo,
Mây tuôn đen kịt khói tàu bay.
Xăng văng chậm tính thương đời chỗ,
Khấp khởi riêng lo biết những ngày”* (x-LH1)

Tôn Thọ Tường đã dùng sức mạnh của nền văn minh Pháp để hù dọa những người yêu nước chống Pháp, và gián tiếp nói lên nỗi lo của mình đối với sức mạnh chống Pháp yếu ớt này. Phan Văn Trị đã đáp lại qua bài họa liên hoàn 1 (H-LH1):

*“Bến Nghé quân bao cơn lửa cháy,
Cồn Rồng dù mặc muội tro bay
Nuôi muông giết cỏ còn chờ thưở,*

Bủa lưới săn nai cũng có ngày.” (H-LH1)

Trong bài xướng này, Tôn Thọ Tường đã có thái độ kẻ cả, coi thường tất cả mọi người yêu nước chống Pháp, bởi thế mà họ Tôn mới hạ hai câu kết:

*“Miệng cọt hàm rồng chưa dễ chọc,
Khuyên đàn con trẻ chớ thầy lay.”* (x-LH1)

Phan Văn Trị cũng có những câu kết đáp lại trong bài họa hết sức chí lí, thể hiện được tinh thần kiên cường, bất khuất của lực lượng yêu nước chống Pháp; gián tiếp đáp trả lại những người có thái độ yếu hèn như Tôn Thọ Tường:

*“Đừng mượn hơi hùm rung nhất khí,
Lòng ta sắt đá há lung lay?”* (H-LH1)

2.2.2. Ở bài xướng liên hoàn 2 (x-LH2) Tôn Thọ Tường còn đi xa hơn trong lập luận của mình, khi cho rằng, những người không biết thời cuộc thì sẽ chuốc lấy điều tai tiếng và họ Tôn thương họ như những trẻ dại không thấy được hiểm họa của việc mình làm. Bởi đó, Tôn Thọ Tường khuyên họ nên sớm ý thức vì thời gian không chờ đợi họ mãi được. Tôn Thọ Tường viết:

*“Thầy lay lại chuốc lấy danh nhơ,
Ai mượn mình lo việc bá vơ,
Trẻ dại giếng sâu lòng chẳng nở,
Đàng xa ngày tối tuổi không chờ.”* (x-LH2)

Trong bài họa liên hoàn 2 (H-LH2), Phan Văn Trị đã không nhịn được những lời lẽ ngạo mạn có tính thóa mạ của họ Tôn, nên ông cũng không ngần ngại đáp trả lại bằng những lời chỉ trích hết sức nặng nề. Ông cho rằng, họ Tôn chẳng những không thấy vết nhơ của mình, việc làm sai trái của mình mà còn khéo “*nói vơ*” (nói bậy), đã vậy mà còn tự cho mình là người lớn, người biết, người có trí, để dùng chữ “*đàn con trẻ*” (x-LH1), rồi dùng chữ “*trẻ dại*” (x-LH2) chỉ những người chống Pháp, những người như Cử Trị, nên Phan Văn Trị đã phải dùng chữ “*đưa ngu*” nặng nề hơn để đáp trả lại và ông cho rằng “*cái ngu*”

ở đây không chỉ dừng lại ở một tuổi nào đó mà là ở bản chất của kẻ ngu, cho dù kẻ đó có tuổi như họ Tôn:

*“Lung lay lòng sắt đã mang nợ,
Chẳng xét phận mình khéo nói vợ.
Người trí mắng lo danh chẳng chối,
Đưa ngu luống đợi tuổi không chờ.”* (H-LH2)

Kết bài (x-LH2) Tôn Thọ Tường cho rằng, lúc này chưa thể nói được ai may ai rủi, cho nên họ Tôn cho rằng, những lời góp ý của mọi người như những lời ra tiếng vào của những kẻ ăn không ngồi rồi chẳng đáng nghe. Bởi đó, để đáp lại hai câu kết của bài (x-LH2): *“May rủi, rủi may đâu đã chắc, Miệng lằn, lưỡi mỗi hầy tai nạn.”*, Cử Trị đã viết: *“Chưa trả thù nhà đền nợ nước, Dám đâu mắt lấp lại tai nạn.”* (H-LH2). Rõ ràng là, không thể làm nợ trước việc làm phản dân hại nước của Tôn Thọ Tường mà Cử Trị đã lên tiếng, chớ ông cũng không ở không đâu mà có những lời đóng góp cho họ Tôn, nếu đây là việc riêng của Tôn Thọ Tường.

2.2.3. Trong bài xướng liên hoàn 3 (x-LH3), lời lẽ của Tôn Thọ Tường có phần chùng xuống, đi vào nỗi căm cảnh nước nhà, để than trách cho những gì tốt đẹp của quá khứ đã mất, mà nếu đọc riêng bài này, người đọc dễ thông cảm cho họ Tôn:

*“Tai nạn mắt lấp thuở tan tành,
Nghĩ việc đời thêm hổ việc mình.
Hiu hắt tro tàn nền đạo nghĩa,
Lờ mờ bụi đóng cửa trâm anh.”*. (x-LH3)

Liệu có thể hiểu đây là cách nuối tiếc ăn năn, xót hối của Tôn Thọ Tường, hay đây chỉ là những lời nói không đi đôi với việc làm của họ Tôn, mà bản chất của nó là sự che giấu việc làm đáng phê phán của mình. Có lẽ vậy, mà Phan Văn Trị không nương nhẹ ngòi bút của mình trong bài họa liên hoàn 3 (H-LH3) này:

*“Tai nạn sao đặng lúc tan tành,
Luống biết trách người chẳng trách mình.
Đến thế còn khoe danh đạo nghĩa,*

Như vậy cũng gọi cửa trâm anh.” (H-LH3)

Với Tôn Thọ Tường, tình thế đất nước hiện giờ quả là khó chống chọi được với giặc Pháp, nó ở cái thế *“gánh năm giếng nặng”*, *“chỉ mảnh treo chuông”* thì làm được gì hơn: *“Hai bên vai gánh năm giếng nặng, Trăm tạ chuông treo một sợi mảnh.”* (x-LH3). Nhưng, với Phan Văn Trị, thì ông muốn nhắc Tôn Thọ Tường đừng có cái nhìn thiên cận mà theo chân giặc. Việc làm này thì quả là *“vụng tính”* và *“to gan”* thật: *“Khe sâu vụng tính dung thuyền nhỏ, Chuông nặng to gan buộc chỉ mảnh.”* (H-LH3)

2.2.4. Trong bài xướng liên hoàn 4 (x-LH4), Tôn Thọ Tường có ý nhắc khéo về cái chết của lãnh tụ kháng Pháp Trương Định để khuyên mọi người từ bỏ ý định chống Pháp, và để biện minh cho việc ra làm cho Pháp của họ Tôn là một cách thức để che chở, bảo vệ cho “con dân”, không có ai đứng ra lo toan cho họ, chớ nào có ý tự tôn, hay tự đề cao cho ý nguyện tốt của mình. Tôn Thọ Tường viết:

*“Người trương mắt ngáo đôi tròng bạc,
Kẻ ứa gan trung bẫy lá vàng.
Chiu chút thương bẫy gà mắt mẹ,
Cũng là gắng gổ dám khoe khoang.”* (x-LH4)

Trong bài họa liên hoàn 4 (H-LH4), Phan Văn Trị bẻ gãy sự biện minh của họ Tôn, với những lập luận hết sức khéo, nhẹ nhàng, mà không kém phần sâu sắc, thuyết phục. Ông cho rằng, việc làm của Tôn Thọ Tường, chẳng qua là chỉ mong làm giàu mà sẵn lòng bán lấy cái thanh danh của mình bằng sự hợp tác với Pháp. Ông cũng chỉ muốn khuyên Tôn Thọ Tường là người “đồng nghiệp” văn chương với ông, nên biết trọng danh dự chớ nào có phải ông muốn khoe danh với ai. Bởi đó, lời lẽ đáp lại của Cử Trị cũng hết sức chí tính và “vừa vặn” với ý tưởng của họ Tôn. Phan Văn Trị viết:

“Con buôn khắp khởi chưa từng ngọc,

*Người khó xãng vãng mới gặp vàng.
Thương kẻ đồng văn nên phải nhắc,
Để ta đâu dám tiếng khoe khoang.”* (H-LH4)

2.2.5. Trong bài xướng liên hoàn 5 (x-LH5), ý tưởng của Tôn Thọ Tường tập trung vào việc khuyên người nên biết liệu sức mình, chớ dại làm việc chống đối Pháp - một việc làm quá khả năng. Theo họ Tôn, chống đối kẻ mạnh lúc này là không biết lo xa, tính rộng; để nước tới trôn thì hối làm sao kịp. Đó không phải là thái độ của người thức thời, biết việc. Tôn Thọ Tường viết:

*“Tơ vắn cánh chuồn kinh chí nhện,
Gió đưa hơi cọp khiếp oai chồn.
Siêng lo há đợi cơm kẻ miệng,
Vụng tính nào dè nước tới trôn.”* (x-LH5)

Với bài họa liên hoàn 5 (H-LH5), Phan Văn Trị cũng tập trung vào việc đã lại ý tưởng của Tôn Thọ Tường. Ông cho rằng, lập luận của họ Tôn là một thái độ tự ti, khiếp sợ. Chớ thắng bại của sự đời nào chỉ đơn thuần là sự mạnh - yếu; cái làm nên sức mạnh có khi là ở ý chí chính nghĩa và tinh thần quả cảm, dám hi sinh của chúng ta. Phan Văn Trị viết:

*“Hồng dẫu hư lông đâu sợ sẽ,
Hùm như thất thế dễ thua chồn.
Người Nhan dễ sợ dao kẻ cỏ,
Họ Khuất nào lo nước đến trôn.”* (H-LH5)

2.2.6. Trong bài xướng liên hoàn 6 (x-LH6), ý tưởng của Tôn Thọ Tường tập trung ở hai câu kết. Đó là thái độ của người hiểu thời cuộc, biết tính thiệt hơn. Câu cuối bài như một lời thốt thể hiện sự vênh vang, tự mãn: *“Ở đời há dễ quên đời đặng. Tính thiệt so hơn cũng gọi là.”* (x-LH6); Phan Văn Trị ở bài họa liên hoàn 6 (H-LH6) đã đả kích mạnh mẽ thái độ tính toán thiển cận của Tôn Thọ Tường, bằng những lời lẽ dữ dội và ném một lời bình phẩm ở 2 câu cuối bài thật sự chua chát: *“Đáy giếng trông trời trương mắt ếch, Làm người như vậy cũng rằng là...”* (H-LH6).

2.2.7. Trong bài xướng liên hoàn 7 (x-LH7), Tôn Thọ Tường vẫn mãi một luận điệu cũ: cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta là một việc làm không cân lượng sức mình, chẳng khác nào chuyện “bắc cầu qua biển”, hay “lấy thước đo trời”. Bởi thế, họ Tôn khuyên cần phải có cách tính xa thời cuộc và người trí cần có cái nhìn thực tế hơn thì sẽ thấy sự bế tắc của xã hội trong việc chống Tây, để từ đó biện minh cho việc theo Tây của mình là sự suy xa, tính rộng. Tôn Thọ Tường viết:

*“Bạc mênh mông biển, cầu toan bắc,
Xanh mịt mù trời, thước rắp đo.
Bàn rộng tính qua, cờ mấy nước,
Gác cao bó lại, sách trăm pho.”* (x-LH7)

Với bài họa liên hoàn 7 (H-LH7), Phan Văn Trị đã đập lại luận điệu này của Tôn Thọ Tường, bằng lí lẽ đơn giản nhưng hết sức thực tiễn khiến ai cũng phải nhìn nhận lập luận của Cử Trị là chí lí. Ông cho rằng, có thể nhìn thấy lẽ đạo nghĩa chính tà, sự đời khôn dại, nên không thể lập lờ như họ Tôn được. Còn giải quyết những vấn đề xã hội không thể là sự chạy theo kẻ mạnh, mà cần phải có cái nhìn lịch sử để thấy được đâu là cốt lõi của cuộc đời, sự việc cần giải quyết. Cử Trị viết:

*“Ngay vậy nẻ ra cho biết mực,
Tháp cao trông thấy há rằng đo ?
Xe Châu nào đợi kinh năm bộ,
Nếp Tống vừa đầy sách nửa pho.”* (H-LH7)

2.2.8. Trong bài xướng liên hoàn 8 (x-LH8), Tôn Thọ Tường lại tự ví mình luôn sáng rõ và rục rờ giữa muôn người, mà để được điều ấy, họ Tôn cũng phải vượt qua bao công khó, khổ nhọc, có ai biết cho. Lời thơ là một lời kể công của kẻ mưu cầu lợi ích riêng cho mình, nhưng trở trêu thay họ Tôn vẫn muốn xem đó là công trạng vì thiên hạ. Tôn Thọ Tường viết:

*“Trắng giữa ba thu mây cũng tỏ,
Hoa trong chín hạ nắng càng tươi.
Khó lòng mình biết lòng mình khó,*

Lòn lỏi công trình kể mấy mươi.” (x-LH8)

Ở bài họa liên hoàn 8 (H-LH8), Phan Văn Trị đã vạch trần sự đê tiện, bỉ ổi của những mưu cầu lợi ích cá nhân Tôn Thọ Tường được giấu dưới vỏ bọc vì mục đích chung. Ông cho rằng, đó là sự đại đột của Tôn Thọ Tường, nhưng đáng tiếc thay sự ngu đại này không dừng lại ở một thời trai trẻ mà vĩnh viễn nó còn mãi nơi con người của họ Tôn. Phan Văn Trị viết:

*“Ngọc lành nhiều vết coi không lịch,
Thọ vụng ít màu nhuộm chẳng tươi.
Đưa đại trót đời già cũng đại,
Lạ là tuổi mới một đôi mươi.” (H-LH8)*

2.2.9. Trong bài xướng liên hoàn 9 (x-LH9), Tôn Thọ Tường đổ lỗi cho thời cuộc, để từ đó biện minh cho việc làm theo Pháp của mình. Một thái độ buông xuôi hay bằng lòng với việc lỗi đạo nghĩa của mình. Đó là lí do để Tôn Thọ Tường giải bày với công chúng:

*“Hết sức người theo trời chẳng kịp,
Hoài công chim lấp biển khôn bằng.
Phái sao chịu vậy thời thì chớ,
Nhắm mắt đưa chân lỗi đạo hằng.” (x-LH9)*

Dẫu cho có là thời cuộc, thì người trí cũng không thể vì cuộc đời mà xuôi theo dòng lỗi đạo. Thái độ đó không thể là thái độ của người lớn, càng không thể là kiểu ứng xử của kẻ sĩ. Người trí nhân, theo Phan Văn Trị phải là người biết thương dân, chuộng lễ công bằng, mà giữ trọng tiết tháo, thanh danh, chớ không thể đổ lỗi cho thời cuộc mà làm càn. Trong bài họa liên hoàn 9 (H-LH9), Phan Văn Trị viết:

*“Thương người vì nước ngời không vững,
Trách kẻ cầm cân kéo chẳng bằng.
Gió xướng mới hay cây cỏ cứng,
Đôi theo người trước giữ năm hằng.” (H-LH9)*

2.2.10. Ở bài cuối của chùm thơ liên hoàn (x-LH10), Tôn Thọ Tường nhắc lại sự kiện vẫn còn ba tỉnh Miền

Tây: sự kiện khởi đầu cho cuộc tranh luận về sức mạnh của Tây và nguy hiểm cho sự còn mất hay sự toàn vẹn của một chủ quyền đất nước, qua câu thơ khởi đầu trong bài xướng liên hoàn 1, và cũng là câu thơ cuối trong bài xướng liên hoàn 10: *“Giang sơn ba tỉnh hãy còn đây.” (x-LH1), (x-LH10)*. Đáp lại lập luận của Tôn Thọ Tường, trong bài họa liên hoàn 10 (H-LH10), Phan Văn Trị cũng nhắc lại sự việc tranh đấu của nghĩa binh, những người yêu nước để ngợi ca lòng chính nghĩa ở họ; đồng thời, muốn nhắc họ Tôn, sự thắng thua không ở hiện tại mà hãy chờ sự trả lời ở một ngày mai. Đó cũng là câu thơ khởi đầu cho bài họa liên hoàn 1 và là câu cuối của bài họa Liên hoàn 10: *“Hơn thua chưa quyết đó cùng đây.” (H-LH1), (H-LH10)*.

2.3. Phải nói rằng, lí luận phản bác của Phan Văn Trị trước những lí lẽ quanh co của Tôn Thọ Tường đã cho thấy được cái nhìn sắc sảo và luôn tỉnh táo của Phan Văn Trị, nhưng hơn hết vẫn là ngôn từ dùng của ông, đậm chất triết lí kiểu người nông dân Nam Bộ, như: *“bôn chôn, chẳng đã, dáo dác, lịch, mảng, mỏn, như vậy, nói vợ, nong nã, phồn, quản bao, trấp (trấp), vậy, xăn vắn (xăng vãng), xăng...”*. Mặt khác, tài nghệ họa thơ của Phan Văn Trị cũng đạt tới mức “thượng thừa”. Tôn Thọ Tường đã có chủ ý khi chọn những khuôn vần khó để xướng, nhưng cả ở những khuôn vần khó như khuôn vần “-oi” trong bài *“Từ Thứ quy Tào”*: *“voi, mòi, còi, roi, thoi.”*, thì khi họa lại, Phan Văn Trị một mặt vẫn có được nhưng lí luận sắc bén để bẻ gãy những lập luận của họ Tôn; mặt khác, vẫn đáp ứng được “cuộc chơi” của ngòi bút. Năm khuôn vần của Phan Văn Trị ở bài họa vẫn là: *“voi, mòi, còi, roi, thoi.”*. Điều đó, đủ để nói lên tài họa thơ của Cử Trị. Tài họa thơ còn được thể hiện ở các bài họa liên hoàn. Nếu điểm lại các bài xướng và bài họa liên hoàn của họ Tôn và Cử Trị, thì thấy rằng: Trong đôi bài, vì sự liên kết vần, chữ dùng của Tôn

Thọ Tường có phần lúng túng; nhưng điều này, không thấy có trong sự diễn đạt của Phan Văn Trị. Điềm qua nghệ thuật liên kết vần của Phan Văn Trị, bạn đọc sẽ thấy được hết tài năng thi ca của ông. Có hai điểm đáng lưu ý:

1. Câu đầu và câu cuối của chùm thơ liên hoàn được cử Trị chọn để họa lại 2 câu xướng tương ứng “*Giàng sơn ba tỉnh hã còn đây.*” (X-LH1), (X-LH10) của Tôn Thọ Tường là: “*Hơn thua chưa quyết đó cùng đây.*” (H-LH1), (H-LH10). Câu chủ đạo này phân định được quan điểm của hai người. Với Tôn Thọ Tường theo giặc Pháp thì đó không phải là vấn đề cướp nước hay bán nước; nhưng với Phan Văn Trị thì đây chính là cuộc đấu tranh giữa chính nghĩa và phi nghĩa, mà cuộc thắng tạm thời của kẻ phi nghĩa chưa thể nói là kết cuộc.

2. Các điệp từ, điệp ngữ để tạo sự liên kết gồm: “*lung lay*”, “*tai nạn*”, “*thân danh*”, “*khoe khoang*”, “*bôn chôn*”, “*rằng là*”, “*soi cho*”, “*đôi mươi*”, “*năm hằng*” được Phan Văn Trị dùng rất chuẩn, không hề khiên cưỡng, làm gượng ép ý tưởng giữa các bài. Sự lặp lại các khuôn vần, từ, ngữ đảm bảo luật lệ của cuộc xướng họa, nhưng trên hết vẫn là những lí luận sắc bén của Phan Văn Trị được dùng để bẻ gãy những ý tưởng của kẻ bán nước và gián tiếp thể hiện được tấm lòng yêu nước sâu đậm của ông.

2.4. Có một điều mà chúng tôi vẫn băn khoăn là dữ liệu ngày tháng liên quan đến tác giả và tác phẩm Phan Văn Trị vẫn chưa được rõ. Hi vọng rằng, với sự quan tâm nghiên cứu tiếp tục của nhiều nhà nghiên cứu, các dữ liệu này sớm được làm sáng tỏ. Chẳng hạn, trong cuộc bút chiến với Tôn Thọ Tường, chùm thơ liên hoàn được làm trước hay sau đề từ đó mà xem xét việc làm, thái độ của Tôn Thọ Tường. Chẳng hạn, nếu chùm thơ liên hoàn có trước, thì hai bài xướng lẻ của Tôn Thọ Tường, có thể hiểu là những lời thật thống thiết,

biểu hiện sự nhún nhường của họ Tôn, khi bị giới sĩ phu miền Nam công kích, nguyên rủa thậm tệ. Và như vậy, phải chăng họ Tôn đã có sự dằn vò, cắn rứt của lương tâm vì chuyện “đầu Tây” của mình để đổi lấy công danh, tiền của. Còn nếu, chùm thơ liên hoàn được làm sau, thì việc làm của Tôn Thọ Tường thật là đáng trách hơn. Việc làm của ai đó do thiếu hiểu biết mà sớm ăn năn thì cần được tha thứ; còn như, đã thấy sai mà cố tính chống chế, ngụy biện, để rồi dấn sâu vào chuyện tội lỗi thì không có sự cảm thông, hay lời bào chữa nào có thể cứu vớt cho việc làm sai quấy của họ Tôn.

3 - Phan Văn Trị đã có được một niềm tin mãnh liệt vào tinh thần bất khuất của dân tộc. Ông vẫn tin tưởng rằng, cuộc kháng chiến của nhân dân ta sớm muộn gì rồi cũng sẽ có ngày thắng lợi; mà điều này đã được thực tế chứng minh. Tuy không trực tiếp đánh giặc, nhưng với những sáng tác yêu nước và đặc biệt với vai trò là người đóng vai chính trong cuộc bút chiến với Tôn Thọ Tường, Phan Văn Trị xứng đáng được liệt vào hàng ngũ các thủ lĩnh nổi tiếng của phong trào nghĩa binh Nam Bộ kháng Pháp thời bấy giờ. Tên tuổi và sự nghiệp của ông mãi mãi sẽ được lưu danh nơi hậu thế. Ngày nay vẫn còn nhiều hướng suy nghĩ ngụy biện, trái với luân thường, đạo nghĩa bênh vực cho những luận điệu của những người đục nước béo cò, hại nước cầu vinh. Ôn lại cuộc tranh luận chính - tà của người xưa cũng là cách răn dạy mình vậy.

(*Nhân ngày trùng tu khu mộ và nhà thờ Cử nhân Phan Văn Trị, thế hệ đi sau và họ hàng nội ngoại của ông xin được tỏ lòng kính nhớ.*)

12/ 2005